

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 31/01/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CNV+TD2	7:25	7+15	0+0		6+15	0+0	
2		RC3+VSP02+TD5	7:25	9+10+3	0+0+0		0+6+16	0+0+0	
3		CTK3+P5	7:25	8+14	0+0		6+16	0+0	
4		PPD+BK10+P10	9:25	21+0+1	0+0+0		19+0+1	0+0+0	CHUYỂN 2 P2- BK10
5		VSP02+CTK3	9:25	15+7	0+0		13+9	0+0	
6		CLO+AMD+HST	9:25	2+16+4	0+0+0		0+18+4	0+0+0	
7		BK14+BK9+PPD	9:25	9+5+8	0+0+0		7+5+10	0+0+0	
8		GTCl+CTK3	11:25	1+21	0+0		0+20	0+0	
9		TD2+PPD+VSP02	11:25	7+4+11	0+0+0		4+4+14	0+0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ĐI VỀ TRONG NGÀY VSP02-1 NG.



FLIGHT MANIFEST

DATE: 31/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 1	TO: CNV - TD2	CREW: VThắng - Khang - HIẾU	ETA: 09:15
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ QUỐC TÙNG	CNV	09-10	2	15		72	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG ĐỨC HẠNH	CNV	13	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM ĐỨC KIỂM	CNV	11-12	2	12		80	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	CNV	01	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÀO TRỌNG HIỆP	CNV	02	1	5	70	67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC THANH	CNV	03	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH TIỆN	CNV	04	1	4		72	PSV	Vietnamese
8	KROHALEV M.A	TD2	58	1	3		80	KHOAN	Russian
9	LE QUOC TOAN	TD2	62	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN HAI	TD2	58	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
11	BUI HUU HONG	TD2					85	KHOAN	Vietnamese
12	VUONG DINH LIEN	TD2	61	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
13	LE VIET CHIEN	TD2	59	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN HUNG HUNG	TD2	71	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN CAO CUONG-PVD	TD2	69	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
16	DO DUC ANH-PVD	TD2	70	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
17	MAI VAN HOANG	TD2	83	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN HUU DAT-PVD	TD2	65-66	2	12		65	KHOAN	Vietnamese
19	HOANG VIET LINH	TD2	57	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
20	PHAM DINH LO	TD2	60	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN TRUONG	TD2	67	1	10		82	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN MANH HOAN	TD2	64	1	5		56	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CNV	7	9	49	491	70	6		
2	TD2	15	15	85	1.021	0	15		
TOTAL		22	24	134	1.512	70	21		
WEIGHT KG				134	1.512	70			

GRAND TOAL: 1.716 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 31/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 2	TO: RC3 - VSP02 - TD5	CREW: Nam - N.Anh - Luy	ETA: 09:20
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGÔ THANH NAM	RC3	97-98	2	16	40	65	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN VAN HOAN	RC3	07-08	2	16		73	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐỖ XUÂN ĐĂNG	RC3	95	1	12		81	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẠM HỒNG QUÂN	RC3	01	1	10		55	XAYLAP	Vietnamese
5	HOANG VAN VIEN	RC3	04-05	2	16		81	XAYLAP	Vietnamese
6	BUI TRỌNG TRIU	RC3				24	66	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN DANH LUẬT	RC3	06	1	15		66	XAYLAP	Vietnamese
8	TÀ QUỐC CHÍNH	RC3				24	75	XAYLAP	Vietnamese
9	DƯƠNG MINH HOANG	RC3	96	1	15		64	XAYLAP	Vietnamese
10	DOAN DẠC THUA	RC3	09	1	7		68	GETRACO	Vietnamese
11	BUI VĂN THOẠI	VSP02				60	70	YTE	Vietnamese
12	SABITOV A.A	VSP02					80	KH-THAC	Russian
13	POKLONSKIY	VSP02	84	1	2		84	KH-THAC	Russian
14	ĐẶNG NGỌC CUÔNG	VSP02					72	KH-THAC	Vietnamese
15	TÀ VĂN CUÔNG	VSP02	86-87	2	10		69	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN XUÂN KINH	VSP02					69	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM NGỌC THẠCH	VSP02	85	1	6		59	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN LÊ HỘI	VSP02	83	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
19	LE CONG HOAN	VSP02					65	KH-THAC	Vietnamese
20	TRƯƠNG ĐÌNH VINH	TD5	69	1	10		77	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HIẾU	TD5	67	1	15		83	DVL	Vietnamese
22	VŨ VĂN NAM	TD5	68	1	12		65	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

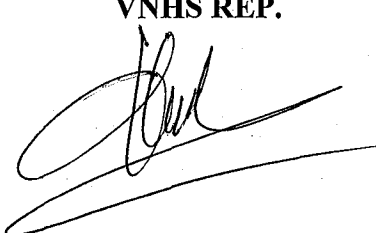
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	10	11	107	694	88	0		
2	VSP02	9	5	22	634	60	6		
3	TD5	3	3	37	225	0	16		
TOTAL		22	19	166	1.553	148	22		
WEIGHT KG				166	1.553	148			

GRAND TOAL: 1.867 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 31/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 3	TO: CTK3 - P5	CREW: PHÚ - Cương - TDUNG	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN QUANG CHUNG	CTK3					74	KH-THAC	Vietnamese
2	TRÌNH QUỐC HUY	CTK3	07	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TRỌNG HAI	CTK3					78	KH-THAC	Vietnamese
4	TRƯƠNG QUỐC BẢO	CTK3	05-06	2	6		61	KH-THAC	Vietnamese
5	HOÀNG XUÂN HIẾU	CTK3	02	1	3		59	KH-THAC	Vietnamese
6	HA MINH GIANG	CTK3	03	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TUẤN MINH	CTK3	01,04	2	8		70	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐOÀN QUANG TUẤN	CTK3	08	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
9	HOÀNG MINH TÂN	P5	01	1	11		81	YTE	Vietnamese
10	NGUYỄN THAI DUONG	P5	06	1	8	28	53	KHOAN	Vietnamese
11	VU NGOC THANH	P5					68	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM VĂN THIẾT	P5	02	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN MẠNH TÍNH	P5	08	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
14	ĐÀU CAO KHANG	P5	09	1	7		50	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN DUY LINH	P5	07	1	6		90	KHOAN	Vietnamese
16	HA QUOC DUNG	P5	03	1	7		82	KHOAN	Vietnamese
17	PHAN VĂN THANH	P5	05	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN HOANG OANH	P5	04	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	P5	10	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
20	TANG TIEN TOAN	P5	14	1	12	28	76	DVL	Vietnamese
21	ĐẶNG VĂN CHUNG	P5	11-12	2	15	85	71	DVL	Vietnamese
22	PHẠM VĂN ĐẠM	P5	13	1	7		73	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	8	8	30	548	0	6		
2	P5	14	14	101	999	141	16		
TOTAL		22	22	131	1.547	141	22		
WEIGHT KG				131	1.547	141			

GRAND TOAL: 1.819 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 31/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:30
FLIGHT: 4	TO: PPD - BK10 - P10	CREW: Phong - ĐNam - PTUẤN	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN HAI	PPD	29-31	3	19	17	64	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH TUNG	PPD	14	1	12	70	69	YTE	Vietnamese
3	NGO ĐỨC VỌNG	PPD					66	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐO ĐỨC QUẢN	PPD	25	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG VĂN NINH	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI NANG PHONG	PPD	17	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN SƠN	PPD	12	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VIỆT TIẾN	PPD	15-16	2	9		68	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐAO MẠNH HUY	PPD	33	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN SINH	PPD	23	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ VĂN VIỆT	PPD	19	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	PPD	26	1	5	7	78	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI VĂN ĐẠO	PPD	32	1	5		92	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN CHUNG	PPD	20-21	2	7		71	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN CAO CƯỜNG	PPD					69	KH-THAC	Vietnamese
16	BIỆN MINH SƠN	PPD	24	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN ĐẶNG QUANG	PPD	13	1	10		58	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM TRẦN HỮU PHÚC	PPD	18	1	7		96	KH-THAC	Vietnamese
19	DƯƠNG PHÁT	PPD	22	1	12		81	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN NAM	PPD	27-28	2	14		75	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM HIẾN TRƯỞNG	PPD	11	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
22	BADIKOV M.F.	P10	79	1	4		70	KH-THAC	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	21	23	141	1.516	94	19	2	CHUYEN 2 PAX PPD SANG BK10
2	BK10	0	0	0	0	35	0		
3	P10	1	1	4	70	0	1		
TOTAL		22	24	145	1.586	129	20		
WEIGHT KG				145	1.586	129			

GRAND TOAL: 1.860 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 31/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:35
FLIGHT: 5	TO: VSP02 - CTK3	CREW: VThắng - Khang - HIẾU	ETA: 11:15
HONG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ROGINSKY	VSP02	51	1	7		112	ANTOAN	Russian
2	NGUYEN NGOC QUANG	VSP02					61	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN THANH THAO	VSP02					76	KH-THAC	Vietnamese
4	DUONG TRUNG VIET	VSP02					77	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VIET NGOC	VSP02	98	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
6	VÔ TÂN LINH	VSP02	53	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
7	CAO VĂN KHA KHA	VSP02	97	1	3		79	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ ĐÌNH KHOA	VSP02	95	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐỖ QUỐC TRÌNH	VSP02	94	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN MẠNH HÀ	VSP02	92	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM TRUNG SONG	VSP02					96	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN QUỐC HOÀN	VSP02	91	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN HỮU KHANH	VSP02	99	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
14	HÀ MẠNH THĂNG	VSP02	93	1	3		53	KH-THAC	Vietnamese
15	NGÔ ĐỨC CHU	VSP02	52	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG KIM	CTK3	15	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC TUƠNG	CTK3	12	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN ĐỨC HANH	CTK3	09	1	6	20	81	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM THANH QUANG	CTK3	14	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM QUANG THAI	CTK3	10	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN MINH TUÂN	CTK3	11	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ VĂN LAM	CTK3	13	1	12		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	15	11	60	1.084	0	13		
2	CTK3	7	7	40	503	20	9		
TOTAL		22	18	100	1.587	20	22		
WEIGHT KG				100	1.587	20			

GRAND TOAL: 1.707 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 31/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 6	TO: CLO - AMD - HST	CREW: Nam - N.Anh - Luy	ETA: 11:20
cam-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TELESHENKO I.A	CLO	62	1	13	20	115	KHOAN	Russian
2	NGUYEN VAN THUY	CLO	63	1	7		69	D-HANH	Vietnamese
3	CU XUAN HUY	AMD	58	1	5		58	HLJOC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN HIEU	AMD	54	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
5	TRINH THUONG MAI	AMD	48-49	2	10		60	TLJOC	Vietnamese
6	NGO SY KHOI	AMD	46	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG VAN THE (PVDI)	AMD	52	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN BAC HA	AMD	57	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
9	TRUONG THE HIEN	AMD	59	1	8	55	73	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN DINH TUAN	AMD	56	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
11	LE TRI TRUNG	AMD	45	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG TRUNG KIEN	AMD	44	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN QUANG LONG	AMD	53	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
14	THAI NGUYEN HAI VI	AMD	51	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
15	TRUONG LE ANH DUNG	AMD	47	1	9		85	KH-THAC	Vietnamese
16	LE THANH TAN	AMD	55	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG HO NGHIA	AMD	50	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
18	HA VAN CANH	AMD	43	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
19	DO THE THANH	HST	92-93	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
20	CHU DUC CHI	HST	94-95	2	15		68	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAM TUAN CHUNG	HST	96	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
22	LE MINH THUAN	HST	07-08	2	13		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

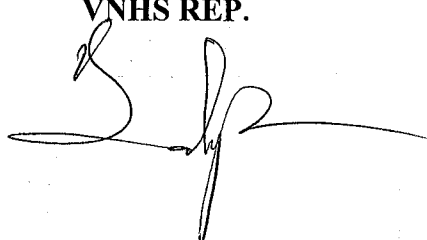
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	2	2	20	184	20	0		
2	AMD	16	17	119	1.117	55	18		
3	HST	4	7	47	261	0	4		
TOTAL		22	26	186	1.562	75	22		
WEIGHT KG				186	1.562	75			

GRAND TOAL: 1.803 KGS + 20 kgs

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 31/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 7	TO: BK14 - BK9 - PPD	CREW: PHÚ - Cương - TDUNG	ETA: 11:30
VANG-02			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN TOÀN	BK14	56	1	7	55	68	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ THANH LIÊM	BK14	49	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐÀO KIM CƯỜNG	BK14	53	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ ĐÌNH HUY	BK14	54	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM VĂN TUYẾN	BK14	55	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN ANH QUANG	BK14	47	1	14		79	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYỄN QUỐC QUÂN	BK14	51-52	2	20		76	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	BK14	50	1	12		80	CODIEN	Vietnamese
9	PHAN TIẾN CƯỜNG	BK14	48	1	3		58	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN KHÁC QUỐC	BK9	59-60	2	12	42	67	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN ĐỨC CƯỜNG	BK9	55	1	7		81	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG QUANG HUY	BK9	57	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ VĂN BÌNH	BK9	56	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN NĂNG	BK9	58	1	10		65	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC LƯU	PPD	79	1	8		69	PSV	Vietnamese
16	BUI VĂN QUÂN	PPD	86	1	5		65	PSV	Vietnamese
17	PHAN THANH HAI	PPD	82	1	5		65	PSV	Vietnamese
18	HOANG VĂN TRỌNG	PPD	84	1	5		103	PSV	Vietnamese
19	TRẦN TIẾN BẢNG	PPD	80	1	3		60	PSV	Vietnamese
20	VŨ THẾ LIÊN	PPD	85	1	5		70	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN KIẾN	PPD	81	1	3		72	PSV	Vietnamese
22	QUÁCH SỸ TỶ	PPD	83	1	4		69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	9	10	78	616	55	7		
2	BK9	5	6	41	350	42	5		
3	PPD	8	8	38	573	0	10		
TOTAL		22	24	157	1.539	97	22		
WEIGHT KG				157	1.539	97			

GRAND TOAL: 1.793 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 31/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:30
FLIGHT: 8	TO: GTC1 - CTK3	CREW: Phong - Mạnh - PTUẤN	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI THE DIEN	GTC1	14	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN HAO	CTK3	25	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
3	DAO VIET HUNG	CTK3	26	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
4	LUYEN VAN THIEU	CTK3	04	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN HUU BAO	CTK3	18	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN MANH HUNG	CTK3	19	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN KHAC THANG	CTK3	03	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN DAN QUE	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGO PHAM THANH HUY	CTK3	33	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN TUAN	CTK3	23	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN TRONG HIEN	CTK3	31	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN VAN TUAN	CTK3	27	1	5		75	PSV	Vietnamese
13	DO VAN KHANH	CTK3	32	1	5		70	PSV	Vietnamese
14	TRAN DINH MINH	CTK3	17	1	5		82	PSV	Vietnamese
15	VUONG DINH DONG	CTK3	28	1	5		90	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN THU TRANG	CTK3	20	1	4		75	PSV	Vietnamese
17	HOANG VAN BAC	CTK3					72	PSV	Vietnamese
18	LE VAN MINH	CTK3	22	1	5		85	PSV	Vietnamese
19	PHAN CONG SAM	CTK3	30	1	5		70	PSV	Vietnamese
20	HOANG THAI LONG	CTK3	24	1	5		56	PSV	Vietnamese
21	PHAM VAN NAM	CTK3	29	1	5		60	PSV	Vietnamese
22	TRAN VAN CAN	CTK3	71	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	1	1	5	56	0	0		
2	CTK3	21	19	104	1.482	0	21		
TOTAL		22	20	109	1.538	0	21		
WEIGHT KG				109	1.538	0			

GRAND TOAL: 1.647 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 31/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:35
FLIGHT: 9	TO: TD2 - P2 - VSP02	CREW: Khang - CHIẾN - Huy	ETA: 13:15
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÀ QUÝ DANH	TD2	93	1	8	45	63	DVL	Vietnamese
2	ĐOÀN VĂN LÂN	TD2	88	1	4		70	GETRACO	Vietnamese
3	PHẠM THANH NHAN	TD2	91	1	8		72	GETRACO	Vietnamese
4	ĐẬU VĂN XUÂN	TD2	92	1	3		61	GETRACO	Vietnamese
5	NGUYỄN BÀ THUY	TD2	89	1	3		61	GETRACO	Vietnamese
6	BUI HUU TRI	TD2	90	1	6		55	GETRACO	Vietnamese
7	PHẠM VĂN GIANG	P2	61	1	4	20	57	PSV	Vietnamese
8	TRẦN LÊ VIỆT	P2	62	1	5		62	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN MINH ĐỒNG	P2					47	PSV	Vietnamese
10	HOANG VAN CONG	P2	63	1	7		55	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐÌNH DƯƠNG	VSP02	59	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN GIÁP	VSP02	56	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
13	LỮ SƠN	VSP02	61	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
14	TÔ VĂN HUNG	VSP02	62	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI XUAN TIEN	VSP02	54	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN QUYẾT	VSP02					52	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI HUY BINH	VSP02					79	KH-THAC	Vietnamese
18	VU HAI ĐĂNG	VSP02	60	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐỖ TRUNG DŨNG	VSP02	55	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐOÀN THỊNH LƯƠNG	VSP02	57	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
21	VU THAI SON	VSP02	58	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	6	6	32	382	45	4		
2	P2	4	3	16	221	20	0		
3	VSP02	11	9	49	718	0	14		
TOTAL		21	18	97	1.321	65	18		
WEIGHT KG				97	1.321	65			

GRAND TOAL: 1.483 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN